CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***264 954***	***113 104***	***151 850***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**51 599**	**18 667**	**32 932**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***19 170***	***18 667***	***503***			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	24/05	921/05	31/05	BN 1758	CỤC XỐ 1C	1 000	732	268	DỞ	TD	THAY TBGT SỐ 884/05 NGÀY 15/2/2025
2		ĐẠM NINH BÌNH	27/05	927/05	31/05	NB 8829	CÁM 4A.1	2 760	2 702	58	28/05		
3		THAN MIỀN NAM	26/05	926/05	31/05	VINACOMIN CẨM PHẢ	CÁM 5A.1	5 700	5 637	63	28/05		
								2 700	2 678	22	28/05		
4		CROMIT THANH HOÁ	27/05	928/05	31/05	ĐẠI THƯỜNG TÍN 18	CÁM 5A.1	3 900	3 826	74	28/05	PTCB	
5		ĐẠM NINH BÌNH	28/05	936/05	31/05	NB 8995	CÁM 4A.1	1 960	1 949	11	28/05		
6		CP TTC	28/05	935/05	31/05	HN 2028	CỤC 4A.1	1 150	1 143	7	28/05		
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***32 429***		***32 429***			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CÁM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỐ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	
11		THAN SÔNG HỒNG	22/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
12		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
13		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
14		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
15		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
16		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
17		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
18		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
19		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
20		DVVT QUẢNG NINH	27/05	292/05	31/05	BN 2196	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100		TD	THAY TBGT SỐ 816 NGÀY 27/5/2025
21		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
22		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
23		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
24		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**161 250**	**83 543**	**77 707**			
	Tàu đang làm hàng							***132 400***	***83 543***	***48 857***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	911/05		SUN GOLD	CÁM 6A.1	43 300	36 669	6 631	DỞ		TTCO:23.298,71 - TTHG:20.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	40 700	13 975	26 725	DỞ		TTCO: 24.800 - CLM:5.000 - CP KDT:5.000 - KVCP:5.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/05	912/05		HẢI NAM 82	CÁM 6A.1	48 400	32 900	15 500	DỞ		TTCO:29.900 - TTHG:18.500
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***28 850***		***28 850***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN	26/05	925/05		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 850		28 850			KDT CP:8.000 - CLM:10.000 - KVCP: 10.850
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**32 343**	**10 893**	**21 450**			
	Tàu đã làm hàng							***14 328***	***10 893***	***3 435***			
1		CROMIT THANH HOÁ	25/5	1 255	31/5	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980	1 973	7	28/5	TD	
2		CẦU ĐUỐNG	23/5	1 136	31/5	HD - 2155	CÁM 8A	1 870	1 862	8	28/5	TD	
3		CROMIT THANH HOÁ	26/5	1 291	31/5	HD - 1955	CÁM 8A	1 545	1 525	20	28/5	TD	
4		CẦU ĐUỐNG	27/5	1 352	31/5	BN - 2699	CÁM 7B	1 960	1 956	4	28/5	PT CB	
5		CẦU ĐUỐNG	27/5	1 328	31/5	BN - 2397	CỤC 1B	1 000	998	2	28/5	TD	
6		MIỀN NAM	25/5	1 257	31/5	HOÀNG ANH 39	CÁM 8A	3 000	1 001	1 999	dở	TD	
7		Hải Phòng	28/5	1 385	31/5	QN 8265	CÁM 8A	1 973	947	1 026	dở	TD	
8		COALIMEX	28/5	1 393	31/5	BN 2646	CÁM 8A	1 000	631	369	dở	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***18 015***		***18 015***			
1		CẦU ĐUỐNG	17/5	854	31/5	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
2		CP DVVT QNINH	21/5	1 042	31/5	BN - 2339	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	
3		CP ĐTTM&DV	21/5	1 051	31/5	BN - 1959	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
4		HÀ NỘI	22/5	1 120	31/5	BN - 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
5		COALIMEX	23/5	1 152	31/5	BN - 1826	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
6		XD CN MỎ	23/5	1164B	31/5	BN - 1883	CỤC 1B	1 250		1 250		TD	
7		COALIMEX	23/5	1 166	31/5	HD - 2099	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	
8		HẢI PHÒNG	25/5	1 216	31/5	HD - 6299	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
9		SÔNG HỒNG	25/5	1 221	31/5	BN - 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
10		CP VT THUỶ	26/5	1 294	31/5	BN - 1348	CỤC 1B	950		950		TD	
11		CP HÀNG HẢI VN	26/5	1 302	31/5	BN - 1309	CÁM 8A	904		904		TD	
12		NINH BÌNH	27/5	1 327	31/5	TB - 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
13		CP VT&KD THAN	27/5	1 349	31/5	BN - 2056	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 28 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
14		CP DVVT QNINH	27/5	1 351	31/5	BN - 1818	CÁM 8A	1 982		1 982		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**7 062**	-	**7 062**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***7 062***		***7 062***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI		1 310		HN 1809	CÁM 5A.14	3 500		3 500			
2		DVVT QUẢNG NINH		1 428		BN 0746	CÁM 8C	942		942		TD	
3		COALIMEX		1 409		BN 2397	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
4		ĐIỆN PHÁ LẠI		1 405		QN 4080	CÁM 5B.14	1 620		1 620			
IV	**KHO CẢNG KM6**							**7 700**	-	**7 700**			
	Tàu đã làm hàng							***4 300***		***4 300***			
1		KDT THANH HÓA	27/5	1 357	31/5	BÌNH MINH 39	Cám 5b.1	4 300		4 300	28/5		
	Tàu đã làm lệnh							***3 400***		***3 400***			
1		CROMIT THANH HÓA	28/5	1 392	31/5	HUY HOÀNG 38	Cám 6b.1	3 400		3 400		CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**5 000**	-	**5 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***5 000***		***5 000***			
1		LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 235-06		5 000		5 000			